

Thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa ở Tây Nguyên

PGS, TS. NGUYỄN NGỌC HÒA

Học viện Chính trị khu vực III; Email: nguyenngochoahv3@gmail.com

Nhận ngày 09 tháng 3 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 4 năm 2025.

Tóm tắt: Chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa thể hiện nguyên tắc về sự bình đẳng và tôn trọng những giá trị văn hóa, phong tục, tập quán của các tộc người thiểu số, đồng thời tạo điều kiện và ưu tiên để văn hóa các dân tộc thiểu số phát triển hài hòa trong sự phát triển chung của một nền văn hóa đa tộc người. Trong thời gian qua, Tây Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu về thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa như: bảo tồn tiếng nói, chữ viết, di sản văn hóa. Để tiếp tục phát huy hiệu quả các chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa ở Tây Nguyên cần có nhận thức đúng, xây dựng chính sách khoa học, bám sát thực tiễn.

Từ khóa: chính sách dân tộc; dân tộc thiểu số; di sản văn hóa; văn hóa tinh thần; phát triển du lịch.

Abstract: Ethnic policies in the field of culture embody the principle of equality and respect for the cultural values, customs, and traditions of ethnic minorities, while also creating favorable conditions and giving priority to the harmonious development of minority cultures within the broader context of a multi-ethnic national culture. In recent years, the Central Highlands has made significant achievements in implementing ethnic cultural policies, including preserving languages, scripts, and cultural heritages. To further enhance the effectiveness of these policies, it is essential to develop a correct understanding, create scientifically grounded policies, and ensure they are closely aligned with local realities.

Keywords: ethnic policies; ethnic minorities; cultural heritage; spiritual culture; tourism development.

1. Chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa

Thực hiện chính sách dân tộc là việc đưa các quyết sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, trên cơ sở cụ thể hóa các quyết sách: thông tin, hướng dẫn, phân công trách nhiệm, chuẩn bị các nguồn lực cần thiết bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, mục tiêu, yêu cầu quy định trong chính sách. Thực hiện chính sách dân tộc thể hiện mục tiêu công bằng xã hội, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa; thể hiện tình cảm, trách nhiệm của cả nước đối với những đóng góp của đồng bào dân tộc trong sự nghiệp cách mạng giành và giữ nền độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc⁽¹⁾.

Đối với lĩnh vực văn hóa, thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa là triển khai các hoạt động văn hóa nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho các dân tộc thiểu số nhằm mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của cộng

đồng 54 dân tộc anh em. Đó là các chính sách nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa hiện đại, phù hợp các giá trị tinh hoa của văn hóa nhân loại trong bối cảnh hội nhập quốc tế, song, trên cơ sở gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, sắc thái văn hóa của các tộc người ở Việt Nam. Đó là chính sách nhằm nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các DTTS; xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; phát huy các di sản văn hóa, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các tộc người trong nước và nền văn hóa trên thế giới.

Chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa thể hiện nguyên tắc về sự bình đẳng và tôn trọng những giá trị văn hóa, phong tục, tập quán của các tộc người thiểu số, đồng thời tạo điều kiện và ưu tiên để văn hóa DTTS phát triển hài hòa trong sự phát triển chung của một nền văn hóa đa tộc người. Từ đó, góp phần xây dựng một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng.

Chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa đảm bảo cho các dân tộc có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của mình, có quyền hưởng thụ không chỉ những giá trị văn hóa của tộc người mình mà còn được hưởng những giá trị của nền văn hóa chung của các dân tộc khác, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại và thời đại; không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong cộng đồng các DTTS.

2. Một số thành tựu đạt được trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa ở Tây Nguyên

Vùng Tây Nguyên gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích vùng Tây Nguyên là 54.548 km², với dân số là 6.163,6 nghìn người vào năm 2023⁽²⁾. Vùng Tây Nguyên là nơi sinh sống của 51 dân tộc thiểu số, trong đó có 12 dân tộc thiểu số tại chỗ và 39 dân tộc thiểu số di cư đến⁽³⁾. Bên cạnh cơ cấu tộc người đa dạng và phức tạp đó, Tây Nguyên cũng là địa bàn có cơ cấu tôn giáo phức tạp với 4 tôn giáo chính là Công giáo, Phật giáo, Tin Lành và Cao Đài. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược về kinh tế, môi trường và an ninh quốc phòng của cả nước⁽⁴⁾. Chiều dài đường biên giới ở Tây Nguyên là 573,7 km với 12 huyện và 32 xã biên giới; trong vùng có 244 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và an toàn khu; 574 thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

Với đặc điểm nêu trên, Tây Nguyên rất cần những chính sách dân tộc đặc thù nhằm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, nhất là ở các vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và an toàn khu. Cùng với các lĩnh vực khác, việc thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa ở Tây Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu.

Thứ nhất, chính sách bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết được quan tâm và phát huy có hiệu quả trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các DTTS.

Tiếng nói, chữ viết của các DTTS ở Tây Nguyên là yếu tố cốt lõi để giữ gìn bản sắc. Trước thực trạng có nguy cơ bị mai một nhiều tiếng nói, chữ viết của các DTTS, nhiều địa phương ở Tây Nguyên đã khảo sát, thống kê, sưu tầm tiếng nói, chữ viết, thư tịch cổ của các dân tộc; biên soạn, xuất bản sách tiếng DTTS. Hiện nay, trên phạm vi cả nước có 27 DTTS có bộ chữ viết của dân tộc mình, trong đó vùng Tây Nguyên

có bộ chữ viết của các dân tộc như Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Xơ-đăng, Co-ho, Mnông, Giê Triêng...⁽⁵⁾. Các ngôn ngữ này được sử dụng trên đài phát thanh và truyền hình địa phương, cũng được sử dụng để in các tác phẩm văn nghệ truyền thống, các sáng tác mới... Một số địa phương trong vùng còn phát hành các ấn bản báo địa phương bằng tiếng DTTS. Chẳng hạn, Báo Kon Tum có phát ấn phẩm Báo ảnh Kon Tum dành cho đồng bào DTTS: Từ tháng 1/2023 trở về trước, ấn phẩm Báo ảnh Kon Tum dành cho đồng bào DTTS xuất bản 3 kỳ/tháng với 3 ngôn ngữ (tiếng Việt, Ba Na, Xơ Đăng) thì từ tháng 2/2023 đến nay, được sự thống nhất, quan tâm, tạo điều kiện của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tăng kỳ xuất bản lên mỗi tuần một số với 5 ngôn ngữ (tiếng Việt, Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai, Giê Triêng)⁽⁶⁾.

Đặc biệt, chính sách bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết của các DTTS được thể hiện khá rõ trong công tác tổ chức dạy, học ở các trường học vùng đồng bào DTTS sinh sống. Chính sách này được thể hiện trong Nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15/7/2010 của Chính phủ về quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và nhiều văn bản liên quan. Các bộ sách giáo khoa tiếng dân tộc Gia-rai, Ba-na, Ê-đê đã được xuất bản phục vụ công tác dạy và học trong nhà trường. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giảng dạy cũng được các địa phương quan tâm. Nhờ đó ngày càng nhiều trường, lớp dạy tiếng DTTS được thực hiện. Cụ thể, tỉnh Đắk Lắk trong năm học 2023 - 2024 có 68 trường tiểu học tổ chức dạy học tiếng Ê-đê với 532 lớp và 11.468 học sinh; cấp trung học cơ sở có 12 trường với 24 lớp và 889 học sinh⁽⁷⁾. Tỉnh Kon Tum có 11 giáo viên trực tiếp giảng dạy tiếng Gia-rai, Ba-na cấp tiểu học. Đội ngũ giáo viên đã được bồi dưỡng về kỹ năng, phương pháp dạy học tiếng Gia-rai, Ba-na cho học sinh trong nhà trường. Năm học 2019 - 2020, toàn tỉnh có 10 trường dạy học tiếng dân tộc Gia-rai, Ba-na với 33 lớp và 805 học sinh⁽⁸⁾. Ở tỉnh Gia Lai, các trường tiểu học và một số trường phổ thông trung học trong các vùng có số lượng học sinh là người DTTS chiếm đa số có dạy tiếng Gia-rai, Ba-na; các trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện, tỉnh thì tiếng Gia-rai, Ba-na được coi là môn học chính khóa trong chương trình giảng

dạy cho học sinh⁽⁹⁾. Ngoài ra, các địa phương ở Tây Nguyên cũng thường xuyên tổ chức các lớp dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn.

Thứ hai, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa các DTTS đi vào đời sống thực chất hơn.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là chủ trương lớn của Đảng, đã được Nhà nước thể chế thành chính sách, pháp luật ngày càng đầy đủ, hoàn thiện. Trên cơ sở đó, các địa phương ở Tây Nguyên đã triển khai và ban hành rất nhiều chính sách cụ thể về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS trên địa bàn. Chẳng hạn, các địa phương có nhiều chính sách đặc thù để bảo tồn, phát huy di sản Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên là "Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại" thông qua các ngày hội văn hóa các dân tộc, hội thi, hội diễn các cấp theo hàng năm hoặc định kỳ 2 năm một lần. Các hoạt động này có sự gắn kết với nhiều loại hình văn hóa dân gian độc đáo khác như: sử dụng các nhạc cụ truyền thống, hát dân ca, dệt thổ cẩm, điêu khắc gỗ... Đây là cách thức hữu hiệu để bảo tồn và phát huy các loại hình văn hóa truyền thống. Trong các địa phương, tỉnh Gia Lai không chỉ tổ chức các cuộc liên hoan cồng chiêng từ cơ sở đến cấp tỉnh, đặc biệt, địa phương này còn tổ chức các lễ hội tầm vóc quốc gia và quốc tế như Festival văn hóa cồng chiêng quốc tế năm 2009; Festival văn hoá cồng chiêng khu vực Tây Nguyên tại Gia Lai các năm 2018, 2023. Năm 2023, UBND tỉnh Gia Lai tiếp tục ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về phê duyệt Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025 với kinh phí dự kiến là 16,38 tỷ đồng.

Về bảo tồn cồng chiêng, Gia Lai là địa phương có số lượng cồng chiêng đứng đầu 5 tỉnh Tây Nguyên, hiện còn lưu giữ 4.500 bộ cồng chiêng (số liệu thống kê năm 2020 - 2021). Tỉnh Kon Tum còn lưu giữ được hơn 2.500 bộ cồng chiêng với khoảng 30 loại khác nhau được bảo tồn, lưu giữ. Tỉnh Đắk Lắk hiện có 2.089 bộ chiêng, trong đó có 1.645 bộ chiêng Êđê, 319 bộ chiêng M'Nông, 118 bộ chiêng Jrai, 5 bộ chiêng Xơ đang, 4 bộ chiêng Mường, 3 bộ chiêng Vân Kiều, 3 bộ chiêng Thái và 1 bộ chiêng Ba Na⁽¹⁰⁾.

Đối với chính sách tôn vinh dành cho các nghệ

nhân người DTTS, qua ba đợt xét tặng các danh hiệu vinh dự của Nhà nước, tỉnh Kon Tum có 88 nghệ nhân ưu tú được phong tặng và truy tặng (năm 2015 có 42, năm 2019 có 30, năm 2022 có 16); tỉnh Gia Lai có 32 nghệ nhân ưu tú được phong tặng (năm 2015 có 15, năm 2019 có 08, năm 2022 có 09); tỉnh Đắk Lắk có 44 nghệ nhân ưu tú được phong tặng và truy tặng (năm 2019 có 24, năm 2022 có 20). Ngoài các danh hiệu trên, các địa phương còn có rất nhiều nghệ nhân thực hành các loại hình di sản văn hóa phi vật thể khác nhau. Chẳng hạn, tỉnh Đắk Lắk có 3.855 nghệ nhân diễn tấu cồng chiêng, 186 nghệ nhân hát kể sử thi, 393 nghệ nhân chỉnh chiêng, 635 nghệ nhân truyền dạy cồng chiêng, 568 nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc, 370 nghệ nhân tạc tượng⁽¹¹⁾. Tại tỉnh Gia Lai, có hơn 60 nghệ nhân biết chỉnh chiêng, có khoảng 900 nghệ nhân giỏi⁽¹²⁾. Đặc biệt, ngày 14/06/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND về hỗ trợ đối với nghệ nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, các nghệ nhân được hỗ trợ theo mức: Nghệ nhân nhân dân: 2.000.000 đồng/người/tháng; Nghệ nhân ưu tú: 1.500.000 đồng/người/tháng; nghệ nhân đang sinh hoạt hằng ngày tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam: 1.000.000 đồng/người/tháng. Ngoài mức hỗ trợ quy định theo Nghị quyết này, các đối tượng trên vẫn được hưởng các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật⁽¹³⁾.

Công tác gìn giữ, phát huy nhà rông, nhà dài truyền thống cũng là chính sách quan trọng trong lĩnh vực văn hóa ở Tây Nguyên. Thời gian qua, các địa phương đã lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng đồng bào DTTS, nguồn vốn đóng góp của các doanh nghiệp, vận động các tầng lớp nhân dân đóng góp công sức, tiền của để xây dựng mới cũng như sửa chữa các nhà rông bị hư hỏng. Đặc biệt, các địa phương ở Tây Nguyên đều có ban hành các đề án bảo tồn và phát huy nhà rông truyền thống hoặc bảo tồn và phát huy văn hóa làng truyền thống, trong đó, nhà rông được đặc biệt quan tâm. Kết quả trong thời gian qua, nhiều nhà rông truyền thống đã được xây dựng và sửa chữa, cụ thể như sau: tỉnh Kon Tum hiện có 479 nhà rông, hơn 500 làng đồng bào dân tộc thiểu số có cồng chiêng, có đội cồng chiêng và múa xoang⁽¹⁴⁾;

tỉnh Gia Lai có 581 nhà rông, trong đó có 115 nhà rông văn hóa, có 668 đội cồng chiêng ở các buôn, làng⁽¹⁵⁾. Khác với tỉnh Gia Lai và Kon Tum, dân tộc Ê đê chiếm tỷ lệ gần 19% dân số tỉnh Đắk Lắk, nên địa phương này có các chính sách chú trọng bảo tồn, phát huy nhà dài truyền thống của người Ê đê, đến năm 2021 toàn tỉnh còn khoảng 5.600 căn nhà dài truyền thống⁽¹⁶⁾.

Thứ ba, chính sách văn hóa gắn với phát triển du lịch đã phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Chính sách dân tộc về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch là vấn đề quan trọng, yêu cầu cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Thực hiện được chính sách này sẽ đạt được mục tiêu kép, vừa phát triển kinh tế du lịch, vừa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các DTTS ở Tây Nguyên. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã xác định Tây Nguyên là một trong 7 vùng du lịch trọng điểm của cả nước với những nét đặc trưng riêng về vị trí địa lý, về các điều kiện tự nhiên và những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc bản địa...

Tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua đã ban hành nhiều chính sách phát triển du lịch, trong đó, các sản phẩm du lịch trọng tâm chủ yếu là trên cơ sở khai thác và phát huy các nguồn lực về bản sắc văn hóa⁽¹⁷⁾. Tỉnh Đắk Lắk xác định thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Lắk và huyện Buôn Đôn là 3 địa bàn du lịch trọng điểm; chú trọng phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch vui chơi giải trí, du lịch MICE tại thành phố Buôn Ma Thuột, du lịch tham quan các làng nghề truyền thống của đồng bào DTTS, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc đặc trưng của đồng bào các DTTS như các sản phẩm du lịch lễ hội, du lịch voi, ẩm thực truyền thống, hàng dệt truyền thống chế tác từ gỗ, cà phê. Nhờ các nỗ lực phát triển lĩnh vực du lịch văn hóa, ngành du lịch Đắk Lắk thu được nhiều kết quả quan trọng. Chẳng hạn, năm 2022 lượng du khách đến Đắk Lắk đều đạt 1,5 triệu lượt, doanh thu từ du lịch đạt 837 tỷ đồng; năm 2023 lượng du khách đạt 1,16 triệu lượt khách, khách quốc tế 30.240 lượt, doanh thu từ du lịch ước đạt 925 tỷ đồng⁽¹⁸⁾.

Tỉnh Gia Lai cũng đặc biệt quan tâm gắn bảo tồn các giá trị văn hóa với phát triển du lịch bằng nhiều chính sách đầu tư khai thác, thu hút du khách⁽¹⁹⁾. Năm 2019, tổng lượt khách du lịch đến tỉnh Gia Lai đạt 845.000 lượt, khách nội địa 830.000 lượt, khách quốc tế 15.000 lượt; tổng thu du lịch đạt 510 tỷ đồng. Sau thời gian lĩnh vực du lịch bị ảnh hưởng nặng nề từ Đại dịch Covid-19, giai đoạn hiện nay du khách đến địa phương tăng nhanh. Năm 2023, tổng lượt khách đến Gia Lai ước đạt 1.150.000 lượt, trong đó, khách quốc tế ước đạt 9.000 lượt; tổng thu du lịch ước đạt 750 tỷ đồng⁽²⁰⁾.

Kon Tum cũng là một địa phương chú trọng phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa⁽²¹⁾. Với mục tiêu khai thác đa dạng tiềm năng, lợi thế về du lịch, trọng tâm là du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch thể thao, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào DTTS nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh. Trên cơ sở đó, tỉnh Kon Tum trong thời gian qua cũng đã đạt được những kết quả quan trọng. Khu du lịch sinh thái Măng Đen được tỉnh Kon Tum quy hoạch xây dựng trở thành điểm du lịch đa dạng, phong phú về loại hình với thương hiệu riêng, hạ tầng hiện đại, chất lượng phục vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế vào năm 2025. Bên cạnh đó, đến nay tỉnh đã công nhận 13 điểm, làng du lịch cấp tỉnh (Điểm du lịch Làng Văn hóa - Du lịch Kon Pring; Làng du lịch cộng đồng Kon Klor, Vi Rơ Ngheo, Kon Trang Long Loi, điểm du lịch Thác Pasi, Nhà máy rượu vang sim...). Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, tổng lượng khách đến Kon Tum năm 2023 đạt 1,334 triệu lượt người (trong đó khách quốc tế đạt 3.816 lượt người); tổng doanh thu đạt khoảng 537 tỷ đồng; công suất phòng đạt 65%⁽²²⁾.

3. Một số giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa ở Tây Nguyên hiện nay

Trước hết, về mặt nhận thức cần hiểu việc thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa như là một quá trình năng động, là khả biến chứ không phải bất di bất dịch, là bất biến. Điều này có cơ sở từ sự thay đổi liên tục từ đời sống văn hóa và tính đặc thù văn hóa của các DTTS Tây Nguyên. Một chủ thể làm

chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa tốt không nên quá ảo tưởng ở sự hiểu biết phong tục tập quán (mặc dù điều này là vô cùng cần thiết) của một tộc người mà bỏ qua sự biến đổi văn hóa, bản sắc văn hóa như một quy luật. Điều quan trọng và cơ bản là phải phát hiện sự biến đổi của nó, của bản sắc văn hóa để điều chỉnh chính sách bảo tồn bản sắc văn hóa phù hợp với từng thời điểm cụ thể. Chẳng hạn, chúng ta không nên lên án tập tục nổi nôi (chuê nuê) của người Ê đê một cách thái quá mà bỏ qua quá trình biến đổi trong chế độ mẫu hệ. Lẽ ra chúng ta phải điều chỉnh sớm hơn việc xây nhà kiềng đường phố cho các DTTS Tây Nguyên trong chính sách định canh định cư khi phát hiện đồng bào không chấp nhận nơi ở mới của mình. Thực ra sự ưu việt của một chế độ tôn trọng tính đa dạng văn hóa không đồng nghĩa với việc nghĩ thay, làm thay cho cộng đồng các DTTS, cho dù một bộ phận nào đó vẫn còn thói quen ỷ lại và tự ti.

Thứ hai, xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa cho Tây Nguyên (cả Tây Bắc, Tây Nam bộ) cần tôn trọng tính đặc thù vùng miền, trong đó không chỉ có môi trường cư địa, sự đa dạng sinh học, trình độ dân trí mà còn ở lịch sử tộc người, chủ nhân văn hóa của vùng đất Tây Nguyên.

Xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc đặc thù trên lĩnh vực văn hóa cho Tây Nguyên phải trên cơ sở phát huy vai trò của 3 thành tố tham gia trong quá trình này. Đó là cộng đồng văn hóa, cụ thể hơn là những tri thức hiểu biết văn hóa Tây Nguyên, giới chính trị và công chúng (đồng bào các DTTS). Các chính sách phải được xây dựng trên cơ sở có sự đồng thuận của 3 nhóm này, nếu không sẽ khó có thể mang lại hiệu quả. Cũng theo cách tiếp cận này, chính sách văn hóa không phải là sản phẩm tinh chỉ do Nhà nước nghĩ ra, lại càng không chỉ là sự hoạch định riêng của Nhà nước mà nó phải thể hiện cả quyền lợi và trách nhiệm của 3 nhóm cộng đồng. Không nên hiểu chính sách văn hóa chỉ là việc ban ơn của Nhà nước đối với người dân. Chẳng hạn, chúng ta không thể triển khai các dự án kinh tế lớn có khả năng phá vỡ cấu trúc không gian Tây Nguyên mà lại không lắng nghe tiếng nói của các nhà khoa học, các nhà Tây Nguyên học cũng như không xuất phát từ nhu cầu văn hóa thực sự của đồng bào DTTS bản địa. Trong thực tế các chính sách văn hóa trước đây ra đời theo kiểu □ từ trên xuống □ cho

nên không sát với thực tế văn hóa Tây Nguyên. Nhiều khi chúng ta mệnh danh nhu cầu văn hóa của đồng bào DTTS nhưng thực chất lại không phải như vậy, bởi lẽ cộng đồng các DTTS ở Tây Nguyên hoàn toàn không muốn nhà rông của mình trở thành nơi hội họp, tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội một cách tràn tục. Rõ ràng, việc thực hiện các chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa thiếu hiểu biết đã từng bước đánh mất tính thiêng trong các sinh hoạt cộng đồng, điều đó cũng có nghĩa làm biến dạng bản sắc văn hóa.

Thứ ba, việc xây dựng, hoạch định chính sách dân tộc trên lĩnh vực văn hóa không chỉ dựa trên cơ sở định hướng chính trị, những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể nhất định ở mỗi giai đoạn lịch sử, mà còn nắm bắt được những nhu cầu văn hóa, tâm lý tộc người của các DTTS ở Tây Nguyên. Thiết nghĩ, chúng ta cần có chính sách riêng cho vùng văn hóa Tây Nguyên, từng lĩnh vực cụ thể như tiếng nói và chữ viết, tín ngưỡng, tôn giáo, các hoạt động bảo lưu bản sắc như trang phục, kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc. Ngoài lĩnh vực chính trị, cần có tiếng nói quan trọng trong việc xây dựng các chính sách văn hóa. Mặt khác, các chính sách dân tộc cần phải bắt rễ trong môi trường văn hóa Tây Nguyên, tránh tình trạng rập khuôn, máy móc trong quá trình xử lý các tình huống văn hóa.

Thứ tư, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Xây dựng quy ước, hương ước thôn buôn nhằm phát huy thuần phong mỹ tục, xây dựng các mối quan hệ và chuẩn mực đạo đức phù hợp với đời sống cộng đồng; vận dụng những giá trị tốt đẹp của văn hóa, luật tục của các dân tộc vào cuộc sống; khai thác được những giá trị phù hợp với luật pháp và nếp sống văn minh để giúp đồng bào xây dựng quy tắc mới về quản lý cộng đồng, giao tiếp, ăn ở, bài trừ tệ nạn xã hội như trộm cắp, rượu chè, cờ bạc, nghiện hút; mạnh dạn bỏ các hủ tục lạc hậu và phát huy các tập tục tốt đẹp trong hôn nhân, cưới xin, ma chay, xây dựng gia đình văn hóa một vợ một chồng, ít con, vợ chồng bình đẳng. Tiếp tục đầu tư phát triển và hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở buôn, làng như nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng hoặc nhà rông, có sân bãi thể dục thể thao, □ đảm bảo các điều kiện cần thiết tổ chức được các sinh hoạt văn hóa cộng đồng của buôn, làng. Thực hiện tốt hơn cả về thời lượng và chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng DTTS: Ba na, Ê đê, Xê đăng, Gia Rai, Cơ ho,

Môi trường và đảm bảo phát hành đúng đối tượng, kịp thời các báo, tạp chí không thu tiền của Nhà nước. Các tỉnh Tây Nguyên mạnh dạn chọn buôn, làng nào có điều kiện thí điểm quy hoạch xây dựng hình mẫu buôn làng cổ truyền của đồng bào DTTS tại chỗ như có đất để ở với những nhà dài truyền thống, không gian xanh, sạch, đẹp để phát triển du lịch cộng đồng; □ tạo nên không gian sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi trường và kết hợp với phát triển kinh tế du lịch./.

(1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.170-171.

(2) Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám Thống kê 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

(3) Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

(4) Bùi Minh Đạo (2022), *Phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên: Thực trạng, vấn đề và giải pháp*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Số 1.

(5) Nguyễn Thị Song Hà (2023), *Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, <https://www.tuyengiao.vn>, ngày 18/8/2023.

(6) Nguyễn Phúc (2023), *Báo ảnh Kon Tum góp phần bảo tồn chữ viết các dân tộc thiểu số*, baokontum.com.vn, ngày 21/06/2023.

(7) Thành Tâm (2024), *Kiểm tra công tác dạy học tiếng dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk*, giaoducthoidai.vn, ngày 16/07/2024.

(8) Nguyễn Thanh Hưng (2019), *Kết quả dạy tiếng dân tộc thiểu số cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum*, baodantoc.kontum.gov.vn, ngày 20/11/2019.

(9) Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Gia Lai: Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc thiểu số*, dangcongsan.vn, ngày 06/09/2013.

(10), (11) H. Thanh (2022), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*, dangcongsan.vn, ngày 25/05/2022.

(12) Diễm Hồng (2023), *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa cộng đồng tỉnh Gia Lai*, tapchimattran.vn

(13) Diệu Hằng (2023), *Nghị quyết hỗ trợ đối với nghệ nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*, trungtamvanhoadaklak.gov.vn, ngày 21/06/2023.

(14) Ngọc Chí (2024), *Kon Tum: Bảo tồn và phát huy giá trị kho tàng văn hóa dân gian*, ngày 04/05/2024

(15) Huyền Trang (2023), *Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH dựa vào cộng đồng*, vietnamnet.vn, ngày

30/03/2023.

(16) Lê Hường - H.Xiu (2021), *Huyền bí những chiếc cầu thang nhà dài của người Ê Đê*, baodantoc.vn, ngày 14/2/2021.

(17) Nghị quyết số 60/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển du lịch Đắk Lắk giai đoạn 2012 - 2015; Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; Đề án số 08-ĐA/TU ngày 28/3/2022 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

(18) Phương Đình (2024), *Du lịch Đắk Lắk lấy đà tăng tốc*, baodaklak.vn ngày 14/01/2024.

(19) Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai, về việc phê duyệt □*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*□; Chương trình số 43-CTr/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 116/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh Gia Lai, về phát triển du lịch Gia Lai giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 380/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025.

(20) Phương Vi (2023), *Gia Lai: Tổng thu du lịch năm 2023 ước đạt 750 tỷ đồng*, <http://www.baogialai.com.vn>, ngày 27/11/2023.

(21) Nhiều chính sách đã được địa phương ban hành như: Nghị quyết số 42/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án □*Phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2020*□; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/5/2022 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(22) Huyền Trang (2024), *Đề du lịch Kon Tum thực sự là điểm sáng trong bản đồ du lịch Việt Nam*, <http://www.kontum.gov.vn>, ngày 13/3/2024.